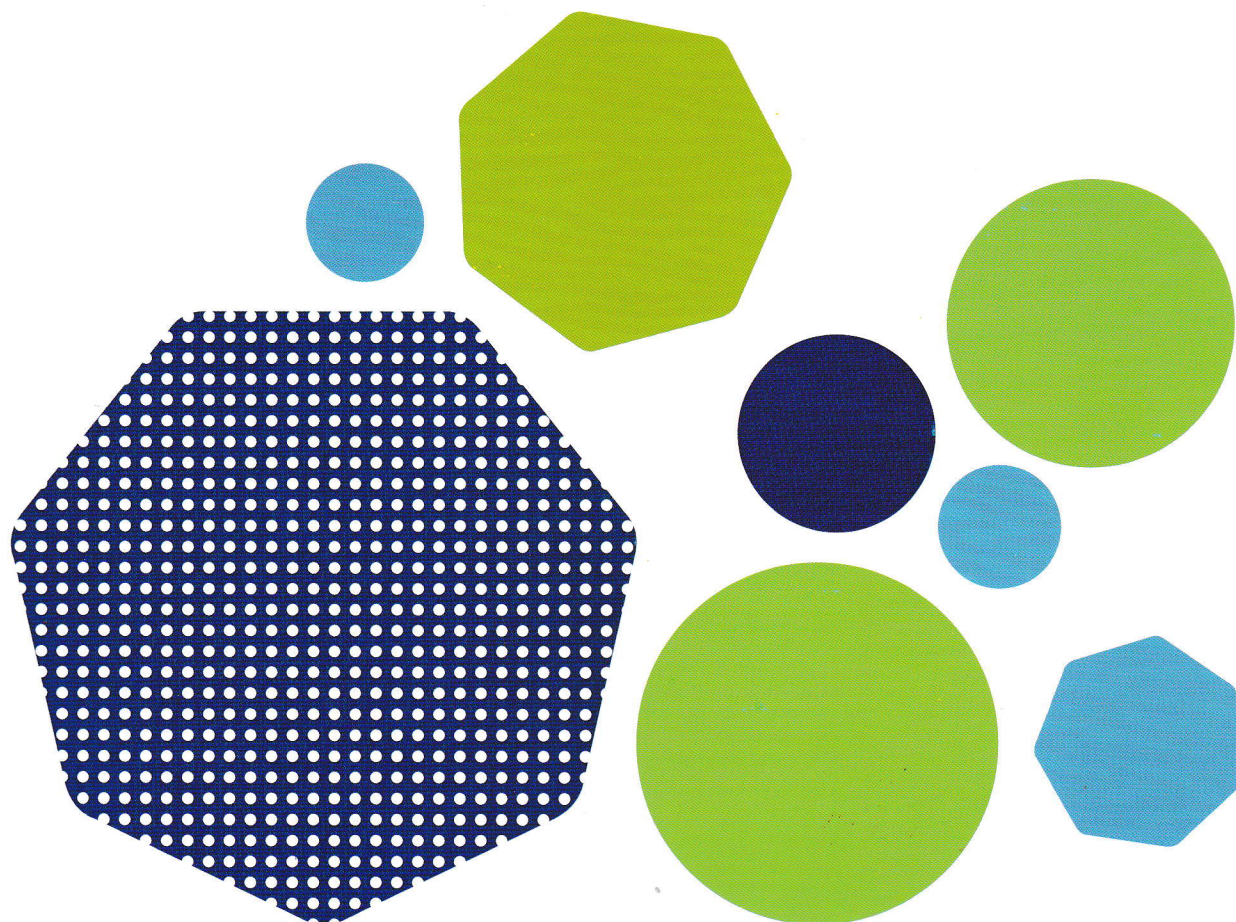


CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP VIỆT NAM
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2023



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP VIỆT NAM
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2023

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 6
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	10 - 30

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Doanh nghiệp Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Hà Xuân Trường	Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm từ ngày 10/4/2024
Ông Phạm Hoàng Cầu	Chủ tịch HĐQT	Từ nhiệm từ ngày 10/4/2024
Bà Bùi Thùy Linh	Thành viên	
Ông Nguyễn Quang Úy	Thành viên	Miễn nhiệm từ ngày 26/05/2023
Ông Nguyễn Đức Toàn	Thành viên độc lập	Bổ nhiệm từ ngày 26/05/2023
Ông Phạm Tuấn Khanh	Thành viên độc lập	

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Bà Bùi Thùy Linh	Tổng Giám đốc	
Ông Hà Xuân Trường	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Châu Văn Anh	Kế toán trưởng	Miễn nhiệm từ ngày 10/11/2023
Ông Ngô Văn Khánh	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm từ ngày 10/11/2023

Ban Kiểm soát

Bà Hoàng Thị Tuyết Lan	Trưởng ban
Ông Nguyễn Hữu Thọ	Thành viên
Ông Nguyễn Thành Trung	Thành viên

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc khẳng định rằng không có bất cứ sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, đòi hỏi phải điều chỉnh hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ kế toán.

Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất;

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

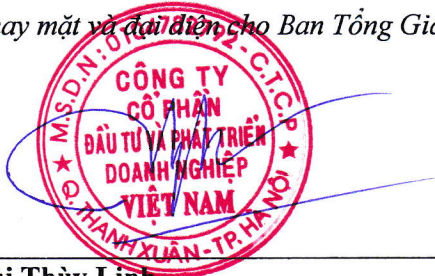
Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Bùi Thùy Linh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 24 tháng 6 năm 2024

Số: 646/2024/UHY - BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Doanh nghiệp Việt Nam**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Doanh nghiệp Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 24/06/2024, từ trang 07 đến trang 30 kèm theo, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên các xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả kiểm soát của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Báo cáo tài chính Công ty Cổ phần Gang thép Công nghiệp Việt Nam (Công ty Gang thép) – Công ty con của Công ty đang ghi nhận khoản tạm ứng cho cá nhân với giá trị khoảng 22,1 tỷ đồng. Tại thời điểm lập báo cáo này, Công ty đã thực hiện đánh giá một cách thận trọng và thực hiện trích lập dự phòng 100%. Tuy nhiên, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp về tính hiện hữu, tính giá trị, khả năng mang lại lợi ích kinh tế trong tương lai của khoản tạm ứng này. Các thủ tục thay thế không thực hiện được. Do đó, chúng tôi không đánh giá được mức trích lập dự phòng cần thiết cũng như tính hiện hữu của khoản tạm ứng này và ảnh hưởng của chúng tới các khoản mục khác trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ (tiếp)

Chúng tôi không thu thập được các hồ sơ bao gồm hợp đồng vay/khế ước nhận nợ, Hợp đồng thế chấp, Xác nhận của Ngân hàng...liên quan đến Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Đông Đô đang được ghi nhận trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty với giá trị tại ngày 31/12/2023 khoảng 28 tỷ đồng (chi tiết tại Thuyết minh số 15). Công ty Gang thép (Công ty con) đã thực hiện dừng tính lãi vay của các khoản vay này. Nếu ghi nhận lãi vay theo đúng quy định sẽ ảnh hưởng đến chỉ tiêu Chi phí tài chính và Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và các khoản phải trả khác, chỉ tiêu Lợi thế thương mại trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam. Tuy nhiên, chúng tôi không có cơ sở ước tính số lãi có thể phát sinh. Các thủ tục thay thế không thực hiện được. Do đó, chúng tôi không đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề nêu trên đến các khoản mục có liên quan trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

Liên quan đến khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – CN Sở giao dịch đang được ghi nhận trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty với giá trị tại ngày 31/12/2023 khoảng hơn 8,8 tỷ đồng (chi tiết tại Thuyết minh số 15) phát sinh tại Công ty Gang thép (Công ty con), Công ty Gang thép đã thực hiện dừng ghi nhận lãi vay của các khoản vay này với giá trị lũy kế đến ngày 31/12/2023 ước tính khoảng 16 tỷ đồng (năm 2023 khoảng 1,5 tỷ đồng). Nếu ghi nhận lãi vay theo đúng quy định sẽ ảnh hưởng tăng chỉ tiêu Chi phí tài chính và giảm Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm 2023 hơn 1 tỷ đồng, chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối giảm khoảng 16 tỷ đồng trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề được nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Doanh nghiệp Việt Nam tại ngày 31/12/2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 1.6 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty Gang thép trở thành Công ty con và được hợp nhất vào Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Doanh nghiệp Việt Nam từ ngày 01/04/2023. Năm 2022, Công ty không có Công ty con nên không lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Do đó, số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất này là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022, trong đó, khoản đầu tư vào Công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc.

Như trình bày tại thuyết minh số 7 - Chi phí xây dựng cơ bản dở dang, đến thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Công ty Cổ phần Gang thép Công nghiệp Việt Nam – Công ty con của Công ty đang trong quá trình xin chấp thuận chủ trương đầu tư dự án, đầu tư khai thác, chế biến mỏ sắt tại xóm Chòi Hãn, xã Cự Thắng, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ và gia hạn giấy phép khai thác quặng sắt tại mỏ Xóm Vi, xã Thượng Cừ, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ. Năm 2023 Công ty không phát sinh doanh thu từ hoạt động khai thác mỏ. Hiện tại, Quyền khai thác mỏ sắt và các quyền lợi phát sinh từ hai mỏ sắt này đang được dùng để đảm bảo cho khoản vay của Công ty Cổ phần Gang thép Công nghiệp Việt Nam tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – CN Sở giao dịch. Các tài sản này đã được đăng ký giao dịch tài sản đảm bảo theo quy định.

Vấn đề cần nhấn mạnh nêu trên không ảnh hưởng đến ý kiến kiểm toán đã trình bày.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Doanh nghiệp Việt Nam cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng kiểm toán và Định giá ASCO theo Báo cáo kiểm toán số 08NV2/2023/ASCO/BCKiT ngày 30/03/2023, với ý kiến kiểm toán ngoại trừ liên quan đến tính phân loại, trình bày, giá trị hợp lý, giá trị dự phòng tổn thất cần trích lập của khoản đầu tư vào Công ty Gang thép-công ty liên doanh, liên kết của Công ty. Tại ngày 31/12/2022, giá trị khoản đầu tư này là 188,64 tỷ đồng và chưa trích lập dự phòng. Khoản đầu tư vào Công ty Gang thép đã được hợp nhất vào Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023.



Lê Quang Nghĩa

Phó Tổng Giám đốc

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 3660-2021-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Hà Nội, ngày 24 tháng 6 năm 2024

Trịnh Thị Trang

Kiểm toán viên

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 4061-2022-112-1

UHY
2023

UHY
2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31/12/2023

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	31/12/2023
			VND	VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		30.252.114.802	22.707.153.076
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	1.136.006.529	671.488.665
Tiền	111		1.136.006.529	671.488.665
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		27.236.640.000	20.319.510.347
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	8	26.936.640.000	8.319.510.529
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	9	300.000.000	11.999.999.818
Phải thu ngắn hạn khác	136	11	22.105.917.054	-
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	11	(22.105.917.054)	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		1.879.468.273	1.716.154.064
Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.879.468.273	1.716.154.064
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		277.901.190.445	225.831.794.337
Các khoản phải thu dài hạn	210		442.074.926	-
Phải thu dài hạn khác	216	11	442.074.926	-
Tài sản cố định	220		43.299.888.875	36.581.818.183
Tài sản cố định hữu hình	221	10	43.299.888.875	36.581.818.183
- Nguyên giá	222		73.558.675.656	45.758.090.910
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(30.258.786.781)	(9.176.272.727)
Tài sản dở dang dài hạn	240		201.394.644.636	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	7	201.394.644.636	-
Đầu tư tài chính dài hạn	250	12	-	188.640.000.000
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	188.640.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		32.764.582.008	609.976.154
Chi phí trả trước dài hạn	261	6	382.892.264	609.976.154
Lợi thế thương mại	269		32.381.689.744	-
TỔNG TÀI SẢN	270		308.153.305.247	248.538.947.413

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)
Tại ngày 31/12/2023

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	31/12/2023
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		40.741.407.243	154.559.040
Nợ ngắn hạn	310		40.741.407.243	154.559.040
Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	3.258.500.600	58.200.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	21.952.809	32.121.288
Phải trả ngắn hạn khác	319	16	539.184.834	64.237.752
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	15	36.921.769.000	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		267.411.898.004	248.384.388.373
Vốn chủ sở hữu	410	17	267.411.898.004	248.384.388.373
Vốn góp của chủ sở hữu	411		247.159.580.000	247.159.580.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		(149.090.909)	(149.090.909)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(20.202.027.857)	1.373.899.282
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		1.373.899.282	1.310.292.546
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(21.575.927.139)	63.606.736
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		40.603.436.770	-
TỔNG NGUỒN VỐN	440		308.153.305.247	248.538.947.413

Hà Nội, ngày 24 tháng 6 năm 2024

Người lập biểu

Trang

Lê Thị Trang

Kế toán trưởng

Khánh

Ngô Văn Khánh

Tổng Giám đốc



Bùi Thủy Linh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	18	84.082.802.454	38.336.079.373
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	19	84.082.802.454	38.336.079.373
Giá vốn hàng bán	11		82.860.548.016	37.350.664.243
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		1.222.254.438	985.415.130
Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	322.245.486	1.106.733
Chi phí tài chính	22		-	-
Chi phí bán hàng	25		-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	21	26.242.905.037	843.709.422
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(24.698.405.113)	142.812.441
Thu nhập khác	31	23	22.674.500	200.609.836
Chi phí khác	32	24	2.633.427.407	247.694.253
Lợi nhuận khác	40		(2.610.752.907)	(47.084.417)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(27.309.158.020)	95.728.024
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	25	21.150.087	32.121.288
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(27.330.308.107)	63.606.736
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		(21.575.927.139)	63.606.736
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(5.754.380.968)	-
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	26	(873)	3

Hà Nội, ngày 24 tháng 6 năm 2024

Người lập biểu

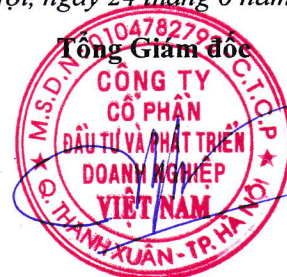
Kế toán trưởng

Trang

Ngô Văn Khánh

Lê Thị Trang

Ngô Văn Khánh



Bùi Thùy Linh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Chỉ tiêu	Mã Thuyết số minh	Năm 2023	Năm 2022
		VND	VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
Lợi nhuận trước thuế	01	(27.309.158.020)	95.728.024
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	7.829.405.052	3.048.484.848
Các khoản dự phòng	03	22.105.917.054	-
Lãi hoạt động đầu tư	05	(322.245.486)	(8.106.733)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	2.303.918.600	3.136.106.139
Tăng giảm các khoản phải thu	09	(4.720.000.168)	(312.469.599)
Tăng giảm hàng tồn kho	10	157.935.205	246.944.016
Tăng giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	3.492.996.497	(4.437.545.588)
Tăng giảm chi phí trả trước	12	227.083.890	(609.976.154)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(32.121.288)	(46.150.296)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	7.000.000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	1.429.812.736	(2.016.091.482)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	812.459.642	-
Tiền thu lãi vay cổ tức và lợi nhuận được chia	27	322.245.486	1.106.733
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	1.134.705.128	1.106.733
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Tiền trả nợ gốc vay	34	(2.100.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(2.100.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	464.517.864	(2.014.984.749)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60 5	671.488.665	2.686.473.414
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70 5	1.136.006.529	671.488.665

Hà Nội, ngày 24 tháng 6 năm 2024

Người lập biểu

Trang

Lê Thị Trang

Kế toán trưởng

Khánh

Ngô Văn Khánh

Tổng Giám đốc



Bùi Thủy Linh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển doanh nghiệp Việt Nam được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0104782792 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 03 tháng 08 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 11 tháng 07 năm 2022.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 17 ngày 28/04/2023 là: 247.159.580.000 đồng; tương đương 24.715.958 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Cổ phiếu của Công ty hiện đang được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hà Nội với mã cổ phiếu là FID.

Trụ sở chính của Công ty tại: VP24, Tầng 4, Khu văn phòng, tòa nhà Stellar Garden, số 35 Lê Văn Thiêm, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH

Công ty hoạt động trong lĩnh vực khai thác kim loại và bán buôn.

1.3 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Các hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
Chi tiết: mua bán, cho thuê và điều hành bất động sản với quyền sở hữu, quyền sử dụng hoặc đi thuê; Nhà để ở như nhà chung cư và nhà để ở khác; Nhà không phải để ở bao gồm khu triển lãm, nhà kho, nơi dạy mát và trung tâm thương mại; Đất; Cung cấp nhà, căn hộ có đồ đạc hoặc chưa có đồ đạc hoặc các phòng sử dụng lâu dài, theo tháng hoặc năm; Mua bán cho thuê gồm cả quản lý và điều hành bất động sản là nền đất phân lô; Hoạt động mua bán cho thuê gồm cả quản lý và điều hành những khu nhà ở lưu động;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét
Chi tiết: sản xuất gạch bằng lò luyện
- Sản xuất các cấu kiện kim loại;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại;
- Khai thác quặng sắt:
Chi tiết: khai thác, thăm dò, khảo sát, chế biến, kinh doanh quặng kim loại (quặng sắt)
- Khai thác kim loại khác không phải sắt
Chi tiết: khai thác, thăm dò, khảo sát, chế biến, kinh doanh quặng kim loại (Quặng chì, kẽm, đồng, niken, thiếc, titan, nhôm, ăngtimon...)
- Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu

1.4 CHU KỲ SẢN XUẤT KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Công ty có chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường là trong vòng 12 tháng theo năm tài chính dương lịch bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)

1.5 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP TRONG NĂM CÓ ẢNH HƯỞNG ĐẾN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01/04/2023, Công ty Cổ phần Gang thép Công nghiệp Việt Nam (Công ty Gang thép) – Công ty liên kết giảm vốn theo Nghị quyết số 01/2023/NQ-ĐHCĐ ngày 01/04/2023 từ 480 tỷ đồng xuống còn 200 tỷ đồng. Sau khi giảm vốn, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Doanh nghiệp Việt Nam trở thành công ty mẹ với tỷ lệ quyền biểu quyết và quyền kiểm soát tại Công ty Gang thép là 76,82%.

Như trình bày tại thuyết minh số 7 - Chi phí xây dựng cơ bản dở dang, đến thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Công ty Cổ phần Gang thép Công nghiệp Việt Nam – Công ty con của Công ty đang trong quá trình xin chấp thuận chủ trương đầu tư dự án, đầu tư khai thác, chế biến mỏ sắt tại xóm Chòi Hãn, xã Cự Thắng, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ và gia hạn giấy phép thác quặng sắt tại mỏ Xóm Vì, xã Thượng Cửu, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ. Năm 2023 Công ty không phát sinh doanh thu từ hoạt động khai thác mỏ.

1.6 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Công ty Cổ phần Gang thép Công nghiệp Việt Nam (Công ty Gang thép) trở thành Công ty con và được hợp nhất vào Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Doanh nghiệp Việt Nam từ ngày 01/04/2023. Năm 2022, Công ty không có Công ty con nên không lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Do đó, số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất này là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022, trong đó, khoản đầu tư vào Công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc.

2. NĂM TÀI CHÍNH VÀ ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Doanh nghiệp Việt Nam được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của Công ty con do Công ty kiểm soát (Các Công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các Công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty đó.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát: Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

2. NĂM TÀI CHÍNH VÀ ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN (TIẾP)

2.2 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch. Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

2.3 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), hạch toán theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính (Thông tư 200), Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất (Thông tư 200).

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

3.2 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200, Thông tư 202, các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính cũng như các quy định pháp lý có liên quan trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này:

4.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.2 CÁC ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và có kỳ hạn, tiền đang chuyển, vàng tiền tệ. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

4.4 HỢP NHẤT KINH DOANH VÀ LỢI THỂ THƯƠNG MẠI

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thể thương mại hoặc lãi từ giao dịch mua rẻ được xác định là chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư và giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty con tại ngày mua do công ty mẹ nắm giữ (thời điểm công ty mẹ nắm giữ quyền kiểm soát công ty con). Lãi mua rẻ (nếu có) sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lợi thể thương mại được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là 10 năm. Định kỳ, Công ty sẽ đánh giá tổn thất lợi thể thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thể thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thể thương mại bị tổn thất ngay trong năm phát sinh.

4.5 CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo yêu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu của khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác;
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm: Phải thu về lãi cho vay, lãi tiền gửi; các khoản đã chi hộ; phải thu từ các hợp đồng hợp tác đầu tư; phải thu về tiền phạt, bồi thường; các khoản tạm ứng; cầm cố, ký cược, ký quỹ, ...

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản phải thu để phân loại là phải thu dài hạn hoặc ngắn hạn.

Các khoản phải thu được ghi nhận không vượt quá giá trị có thể thu hồi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị giải thể, phá sản hay các khó khăn tương tự phù hợp với quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.6 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh bao gồm tiền sửa chữa văn phòng, giá trị công cụ dụng cụ xuất dùng và các khoản chi phí trả trước khác phục vụ cho hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Trong đó: Giá trị công cụ dụng cụ xuất dùng và chi phí trả trước khác được Công ty được phân bổ trong thời gian không quá 03 năm (dài hạn) và không quá 1 năm (ngắn hạn);

Công ty căn cứ vào thời gian phân bổ của từng loại chi phí để phân loại chi phí trả trước ngắn hạn hoặc dài hạn và không thực hiện tái phân loại tại thời điểm báo cáo.

4.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình thành từ mua sắm và xây dựng chuyển giao bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi tăng nguyên giá của tài sản nếu chúng thực sự cải thiện trạng thái hiện tại so với trạng thái tiêu chuẩn ban đầu của tài sản đó, như:

- Thay đổi bộ phận của tài sản cố định hữu hình làm tăng thời gian sử dụng hữu ích, hoặc làm tăng công suất sử dụng của chúng; hoặc
- Cải tiến bộ phận của tài sản cố định hữu hình làm tăng đáng kể chất lượng sản phẩm sản xuất ra; hoặc
- Áp dụng quy trình công nghệ sản xuất mới làm giảm chi phí hoạt động của tài sản so với trước.

Các chi phí phát sinh để sửa chữa, bảo dưỡng nhằm mục đích khôi phục hoặc duy trì khả năng đem lại lợi ích kinh tế của tài sản theo trạng thái hoạt động tiêu chuẩn ban đầu, không thỏa mãn một trong các điều kiện trên, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm. Thời gian khấu hao cụ thể của các loại tài sản cố định như sau:

<i>Loại tài sản</i>	<i>Thời gian khấu hao (năm)</i>
- Máy móc, thiết bị	15

4.8 NỢ PHẢI TRẢ VÀ CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.8 NỢ PHẢI TRẢ VÀ CHI PHÍ PHẢI TRẢ (TIẾP)

- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

4.9 VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của chủ sở hữu và được cơ quan quản lý chấp thuận

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh và các khoản vốn khác.

4.10 PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức/lợi nhuận như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt, được UBCK chấp thuận.

4.11 DOANH THU VÀ THU NHẬP KHÁC

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.12 DOANH THU VÀ THU NHẬP KHÁC

Doanh thu bán hàng hoá

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, Công ty chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính phát sinh từ lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia cụ thể như sau:

- Lãi tiền gửi ngân hàng được xác định tương đối chắc chắn trên cơ sở số dư tiền gửi và lãi suất thực tế được quy định trong từng Hợp đồng tiền gửi;
- Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận theo thông báo chốt quyền của bên chia cổ tức, lợi nhuận.

Thu nhập khác phản ánh các khoản thu nhập phát sinh từ các sự kiện hay các nghiệp vụ hợp nhất biệt với hoạt động kinh doanh thông thường của Công ty, ngoài các khoản doanh thu nêu trên.

4.13 THUẾ

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập DN hiện hành và thuế thu nhập DN hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.13 THUẾ (TIẾP)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính hợp nhất và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4.14 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền mặt	1.126.150.146	666.729.842
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	9.856.383	4.758.823
	1.136.006.529	671.488.665

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

6. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Dài hạn	382.892.264	609.976.154
- Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	341.870.185	555.689.780
- Chi phí trả trước dài hạn khác	41.022.079	54.286.374
	382.892.264	609.976.154

7. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang số tiền 201.394.644.636 đồng phản ánh các chi phí hạ tầng khai thác mỏ của Công ty Cổ phần Gang thép Công nghiệp Việt Nam – Công ty con tại mỏ sắt xóm Chòi Hãn, xã Cự Thắng, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ và mỏ sắt Thượng Cừ, Thanh Sơn, Phú Thọ. Hiện tại, Quyền khai thác mỏ sắt và các quyền lợi phát sinh từ hai mỏ sắt này đang được dùng để đảm bảo cho khoản vay của Công ty Cổ phần Gang thép Công nghiệp Việt Nam tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – CN Sở giao dịch. Các tài sản này đã được đăng ký giao dịch tài sản đảm bảo theo quy định.

Đến thời điểm hiện tại, Công ty Cổ phần Gang thép Công nghiệp Việt Nam – Công ty con của Công ty đang trong quá trình xin chấp thuận chủ trương đầu tư dự án, đầu tư khai thác, chế biến mỏ sắt tại xóm Chòi Hãn, xã Cự Thắng, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ và gia hạn giấy phép thác quặng sắt tại mỏ Xóm Vi, xã Thượng Cừ, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ. Năm 2023 Công ty không phát sinh doanh thu từ hoạt động khai thác mỏ.

Ngày 29/09/2020, Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ đã ra Báo cáo thẩm định Quyết định chủ trương đầu tư dự án: Đầu tư, khai thác chế biến quặng sắt tại xóm Chòi Hãn, xã Cự Thắng, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ theo Báo cáo số 471/BC-SKH&ĐT. Ngày 02/08/2021, Ủy ban nhân dân huyện Thanh Sơn đã ra Văn bản số 1161/UBND-TN&MT về việc thực hiện dự án Đầu tư, khai thác chế biến quặng sắt tại xóm Chòi Hãn, xã Cự Thắng, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ. Ngày 05/7/2021, Thường trực tỉnh ủy Phú Thọ có văn bản số 300-TB/TU thông báo ý kiến chỉ đạo của thường trực tỉnh ủy cho Ban cán sự Đảng ủy, UBND với nội dung: “Về chủ trương: Đồng ý cho Công ty đầu tư dự án đầu tư khai thác chế biến quặng sắt tại Xóm Chòi Hãn, xã Cự Thắng, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ như đề nghị của Ban cán sự đảng ủy, UBND tỉnh Phú Thọ tại văn bản số 121-CV/BCS ngày 23/6/2021 với diện tích 10ha”. Công ty đang tiếp tục làm việc để xin phê duyệt chủ trương đầu tư từ UBND tỉnh và dự kiến sẽ hoàn thành việc này trong năm 2024.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

8. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a. Ngắn hạn	26.936.640.000	-	8.319.510.529	-
<i>Phải thu các bên khác</i>	26.936.640.000	-	8.319.510.529	-
- Công ty Cổ phần Ngọc Việt Global	8.822.200.000	-	-	-
- Công ty TNHH Phân bón hữu cơ Truyền Thống	17.828.240.000	-	-	-
- Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư phát triển Hoàng Sơn	-	-	4.392.505.908	-
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Thiên Long Thành	-	-	3.317.552.590	-
- Các đối tượng khác	286.200.000	-	609.452.031	-
	26.936.640.000	-	8.319.510.529	-

9. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a. Ngắn hạn	300.000.000	-	11.999.999.818	-
<i>Các bên khác</i>	300.000.000	-	11.999.999.818	-
- Công ty Cổ phần Thương mại Xây dựng Tân Thời Đại	-	-	11.999.999.818	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư CALI CAP	300.000.000	-	-	-
	300.000.000	-	11.999.999.818	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP VIỆT NAM
 VP24, Tầng 4, Khu văn phòng, tòa nhà Stellar Garden, số 35 Lê Văn Thiêm,
 phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính
 kết thúc ngày 31/12/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện, vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
01/01/2023	-	45.758.090.910	-	-	45.758.090.910
- Tăng do hợp nhất kinh doanh	840.280.628	24.342.548.058	10.057.213.750	38.760.000	35.278.802.436
- Giảm khác	-	-	(7.478.217.690)	-	(7.478.217.690)
31/12/2023	840.280.628	70.100.638.968	2.578.996.060	38.760.000	73.558.675.656
HAO MÒN LŨY KẾ					
01/01/2023	-	(9.176.272.727)	-	-	(9.176.272.727)
- Khấu hao trong kỳ	-	(3.654.684.852)	-	-	(3.654.684.852)
- Tăng do hợp nhất kinh doanh	(840.280.628)	(13.969.792.514)	(10.057.213.750)	(38.760.000)	(24.906.046.892)
- Giảm khác	-	-	7.478.217.690	-	7.478.217.690
31/12/2023	(840.280.628)	(26.800.750.093)	(2.578.996.060)	(38.760.000)	(30.258.786.781)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
01/01/2023	-	36.581.818.183	-	-	36.581.818.183
31/12/2023	-	43.299.888.875	-	-	43.299.888.875

Nguyên giá TSCĐ tại ngày 31/12/2023 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 15.676.584.746 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

11. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	22.105.917.054	(22.105.917.054)	-	-
- Tiền tạm ứng của các cán bộ nhân viên	22.105.917.054	(22.105.917.054)	-	-
Dài hạn	442.074.926	-	-	-
- Ký cược, ký quỹ	442.074.926	-	-	-
	22.547.991.980	(22.105.917.054)	-	-

12.

ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Công ty

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Công ty liên kết	-	-	188.640.000.000	188.640.000.000
+ Công ty Cổ phần Gang thép Công nghiệp Việt Nam	-	-	188.640.000.000	188.640.000.000
	-	-	188.640.000.000	188.640.000.000

Tình hình hoạt động của Công ty trong năm:

- Từ ngày 01/04/2023, Công ty Cổ phần Gang thép Công nghiệp Việt Nam (Công ty Gang thép) – Công ty liên kết giảm vốn theo Nghị quyết số 01/2023/NQ-ĐHCD ngày 01/04/2023 từ 480 tỷ đồng xuống còn 200 tỷ đồng. Sau khi giảm vốn, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Doanh nghiệp Việt Nam trở thành công ty mẹ với tỷ lệ quyền biểu quyết và quyền kiểm soát tại Công ty Gang thép là 76,82%.
- Đến thời điểm hiện tại, Công ty Cổ phần Gang thép Công nghiệp Việt Nam – Công ty con của Công ty đang trong quá trình xin chấp thuận chủ trương đầu tư dự án, đầu tư khai thác, chế biến mỏ sắt tại xóm Chòi Hãn, xã Cự Thắng, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ và gia hạn giấy phép thác quặng sắt tại mỏ Xóm Vi, xã Thượng Cừu, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ. Năm 2023 Công ty không phát sinh doanh thu từ hoạt động khai thác mỏ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP VIỆT NAM
VP24, tầng 4, khu văn phòng, tòa nhà Stellar Garden, số 35 Lê Văn Thiêm,
phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	3.258.500.600	3.258.500.600	58.200.000	58.200.000
<i>Các bên khác</i>	<i>3.258.500.600</i>	<i>3.258.500.600</i>	<i>58.200.000</i>	<i>58.200.000</i>
Công ty Cổ phần Nông sản Thiên Hương	2.229.000.000	2.229.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Lương thực và Thực phẩm Hoàng Minh	1.002.000.000	1.002.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Thanh Thủy	-	-	55.000.000	55.000.000
Các đối tượng khác	27.500.600	27.500.600	3.200.000	3.200.000
	3.258.500.600	3.258.500.600	58.200.000	58.200.000

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2023		Số đã nộp/bù trừ trong năm		Số đã nộp/bù trừ trong năm		31/12/2023	
	VND	VND	Số phải nộp trong năm VND	VND	Số đã nộp/bù trừ trong năm VND	VND	VND	
Thuế và các khoản phải nộp								
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	32.121.288		27.363.435		48.735.068		10.749.655	
- Thuế thu nhập cá nhân	-		11.203.154		-		11.203.154	
- Các loại thuế khác	-		3.000.000		3.000.000		-	
	32.121.288		41.566.589		51.735.068		21.952.809	

Quyết toán thuế của công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

15. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	31/12/2023		Trong năm		01/01/2023	
	Giá trị	Tăng (*)	Giảm	Giá trị	Giá trị	Giá trị
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn	36.921.769.000	39.021.769.000	2.100.000.000	2.100.000.000	-	-
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Đông Đô	28.040.769.000	28.040.769.000	-	-	-	-
- Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - CN Sở Giao dịch	8.881.000.000	10.981.000.000	2.100.000.000	2.100.000.000	-	-
	36.921.769.000	39.021.769.000	2.100.000.000	2.100.000.000	-	-

(*) Tăng do hợp nhất Công ty Cổ phần Gang thép Công nghiệp Việt Nam vào Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Doanh nghiệp Việt Nam từ ngày 01/04/2023.

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Đông Đô
Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam -
CN Sở Giao dịch (1)

31/12/2023		01/01/2023	
Gốc vay	Lãi vay	Gốc vay	Gốc vay
VND	VND	VND	VND
28.040.769.000	-	-	-
8.881.000.000	-	-	-
36.921.769.000	-	-	-

Các khoản vay ngân hàng của Công ty đang thuộc nhóm nợ xấu Nhóm 5: (Nợ có khả năng mất vốn): Là khoản nợ quá hạn trên 360 ngày.

(1) Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản bao gồm:

- Bất động sản của bên liên quan;
 - Quyền khai thác mỏ sắt và các quyền lợi phát sinh từ mỏ quặng sắt tại Xóm Vĩ, xã Thượng Cửu, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ;
 - Quyền khai thác mỏ sắt và các quyền lợi phát sinh từ mỏ quặng sắt tại Chòi Hãn, xã Thượng Cửu, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ.
- Các tài sản này đã được đăng ký giao dịch tài sản đảm bảo theo quy định.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN
DOANH NGHIỆP VIỆT NAM**

VP24, tầng 4, khu văn phòng, tòa nhà Stellar Garden,
số 35 Lê Văn Thiêm, P. Thanh Xuân Trung, Q. Thanh Xuân, TP Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

16. PHẢI TRẢ PHẢI NỢP KHÁC

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Ngắn hạn	539.184.834	64.237.752
- Bảo hiểm xã hội	476.278.239	50.698.750
- Bảo hiểm y tế	41.359.658	9.398.252
- Bảo hiểm tai nạn lao động	1.995	202.000
- Bảo hiểm thất nghiệp	18.169.302	3.938.750
- Kinh phí công đoàn	3.375.640	-
	539.184.834	64.237.752

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN
DOANH NGHIỆP VIỆT NAM**

VP24, tầng 4, khu văn phòng, tòa nhà Stellar Garden,
số 35 Lê Văn Thiêm, P. Thanh Xuân Trung, Q. Thanh Xuân, TP Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

17.1 BIẾN ĐỘNG TĂNG GIẢM VỐN CHỦ SỞ HỮU

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Lợi ích của cổ đông không kiểm soát		Tổng cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
01/01/2022	247.159.580.000	(149.090.909)	1.310.292.546	-	-	-	-	-	248.320.781.637	
- Lãi trong năm trước	-	-	63.606.736	-	-	-	-	-	63.606.736	
31/12/2022	247.159.580.000	(149.090.909)	1.373.899.282	-	-	-	-	-	248.384.388.373	
01/01/2023	247.159.580.000	(149.090.909)	1.373.899.282	-	-	-	-	-	248.384.388.373	
- Lỗ trong năm nay	-	-	(21.575.927.139)	-	-	-	-	(5.754.380.968)	(27.330.308.107)	
- Tăng do hợp nhất công ty con	-	-	-	-	-	-	-	46.357.817.738	46.357.817.738	
31/12/2023	247.159.580.000	(149.090.909)	(20.202.027.857)	-	-	-	-	40.603.436.770	267.411.898.004	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

17.2 CHI TIẾT VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Bà Nguyễn Thị Thu	20.000.000.000	20.000.000.000
Vốn góp của các đối tượng khác	227.159.580.000	227.159.580.000
	247.159.580.000	247.159.580.000

17.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI, CỔ TỨC, LỢI NHUẬN

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	247.159.580.000	247.159.580.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	247.159.580.000	247.159.580.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

17.4 CỔ PHIẾU

	31/12/2023	1/1/2023
	CP	CP
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	24.715.958	24.715.958
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	24.715.958	24.715.958
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	24.715.958	24.715.958
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	24.715.958	24.715.958
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	24.715.958	24.715.958
<i>Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</i>	10.000	10.000

18. DOANH THU

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.180.000.000	3.180.000.000
Doanh thu bán hàng hóa	80.902.802.454	35.156.079.373
	84.082.802.454	38.336.079.373

19. GIÁ VỐN

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	3.048.484.848	3.048.484.848
Giá vốn hàng hóa đã bán	79.812.063.168	34.302.179.395
	82.860.548.016	37.350.664.243

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	322.245.486	1.106.733
	322.245.486	1.106.733

21. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu, dụng cụ văn phòng	236.572.072	94.996.126
Chi phí nhân công	222.300.000	132.087.500
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
Dự phòng phải thu khó đòi	22.079.383.054	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.037.150.834	589.829.909
Lợi thế thương mại phân bổ	2.625.542.412	-
Chi phí bằng tiền khác	38.956.665	23.795.887
	26.242.905.037	843.709.422

22. CHI PHÍ THEO YẾU TỐ

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu, công cụ đồ dùng	80.048.635.240	34.397.175.521
Chi phí nhân công	222.300.000	132.087.500
Khấu hao tài sản cố định	3.048.484.848	3.048.484.848
Lợi thế thương mại phân bổ	2.625.542.412	-
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
Dự phòng phải thu khó đòi	22.079.383.054	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.037.150.834	589.829.909
Chi phí khác bằng tiền	38.956.665	23.795.887
	109.103.453.053	38.194.373.665

23. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Thu nhập từ thanh lý công cụ dụng cụ	-	189.815.836
Các khoản khác	22.674.500	10.794.000
	22.674.500	200.609.836

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

24. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí thanh lý công cụ dụng cụ	-	182.815.836
Chi phí khấu hao máy xức	2.155.377.792	-
Chi phí khác	478.049.615	64.878.417
	2.633.427.407	247.694.253

25. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	21.150.087	32.121.288
	21.150.087	32.121.288

26. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	(21.575.927.139)	63.606.736
- Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(21.575.927.139)	63.606.736
Số cổ phiếu bình quân gia quyền đang lưu hành trong năm	24.715.958	24.715.958
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	(873)	3

27. BÊN LIÊN QUAN

27.1 Danh sách các bên liên quan

Trong năm 2023, Công ty có các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Ông Phạm Hoàng Cầu	Chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Đức Toàn	Thành viên HĐQT độc lập
Bà Bùi Thùy Linh	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quang Ủy	Thành viên HĐQT
Ông Hà Xuân Trường	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
Bà Hoàng Thị Tuyết Lan	Trưởng Ban kiểm soát
Ông Nguyễn Hữu Thọ	Thành viên Ban kiểm soát
Ông Nguyễn Thành Trung	Thành viên Ban kiểm soát
Công ty Cổ phần Gang Thép Công nghiệp Việt Nam	Công ty con
Ông Nguyễn Xuân Quyết	Phó Chủ tịch HĐQT Công ty con
Bà Vũ Thị Thúy	Thành viên HĐQT Công ty con
Ông Nguyễn Xuân Sơn	Thành viên HĐQT Công ty con

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

27. BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

27.2 Giao dịch và số dư với bên liên quan

Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc	94.800.000	94.800.000

Giao dịch với bên liên quan

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Trả lại vốn góp của Công ty con	280.000.000.000	-
Ông Hà Xuân Trường	41.576.173.551	-
Ông Nguyễn Xuân Quyết	163.010.172.815	-
Bà Vũ Thị Thúy	35.604.853.536	-
Ông Nguyễn Xuân Sơn	39.808.800.098	-

Số dư với bên liên quan

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Đầu tư tài chính dài hạn	-	188.640.000.000
Công ty Cổ phần Gang thép Công Nghiệp Việt Nam	-	188.640.000.000

28. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán và Định giá ASCO.

Hà Nội, ngày 24 tháng 6 năm 2024

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Trang

Khánh



Lê Thị Trang

Ngô Văn Khánh

Bùi Thùy Linh